

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 860/2017/HC-PT
Ngày: 19- 9-2017
V/v khiếu kiện quyết định
hành chính, hành vi hành chính.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thụy Vi

Các Thẩm phán: Bà Lê Thu Thủy

Bà Lê Thị Thuận

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Ông Trần Hồng Long – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 23 tháng 8 và ngày 19 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 108/2016/TLPT-HC ngày 11 tháng 10 năm 2016 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 12/2016/HC-ST ngày 05 tháng 5 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1651/2017/QĐ-PT ngày 02 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1952

Trú tại: xã L, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Thành L1 trú tại phường C1, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền số công chứng 016454 lập ngày 26/6/2012 tại Phòng Công chứng số 1, Thành phố Hồ Chí Minh)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Lê Văn H – Luật sư Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: thị trấn C2, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Minh D – Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C trú tại thị trấn C2, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo pháp luật của người bị kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Phạm Minh C3 – Trưởng Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng huyện C trú tại thị trấn C2, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Trịnh Văn T1, sinh năm 1952
- Bà Trịnh Thị Ngọc A, sinh năm 1987
- Bà Trịnh Ngọc P, sinh năm 1990

Cùng trú tại: xã L, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. *Người kháng cáo:* Bà Phạm Thị T – Người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Người khởi kiện bà Phạm Thị T có ông Trần Thành L1 là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Năm 1977, hộ gia đình bà Phạm Thị T có đắp đập thuê bao để nuôi tôm bán công nghiệp tại khu vực Mương Cạn thuộc xã L, huyện C. Đến năm 1989 chồng bà T có kê khai đăng ký xin phép hành nghề sản xuất đắp đập, bao để nuôi tôm với chính quyền địa phương và được chính quyền địa phương chấp thuận. Đến năm 1992, gia đình bà T có đăng ký quyền sử dụng ruộng đất đối với khu đập này và được hội đồng xét duyệt ruộng đất chấp thuận, đề nghị xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khu vực đầm tôm với diện tích khoảng 66 ha thuộc khu Mương Cạn.

Gia đình bà T đã sản xuất ổn định tại đầm nuôi tôm này từ năm 1977 cho đến nay đã hơn 30 năm, được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy phép sản xuất thủy sản số 79/GPSXTS ngày 11/10/1997, gia đình bà T cũng đã thực hiện nghĩa vụ đóng thuế cho Nhà nước đầy đủ theo đúng quy định.

Để thực hiện thi công và mở rộng đường Rừng Sác, ngày 05/9/2003 Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 793/QĐ-UB về việc cưỡng chế thu hồi đất, mặt nước sản xuất và buộc tháo dỡ các công trình xây dựng dọc tuyến đường Rừng Sác đối với phần đất thuộc đầm nuôi 66 ha nêu trên của hộ gia đình bà T. Tổng diện tích đất của hộ gia đình bà T bị Ủy ban nhân dân huyện C cưỡng chế thu hồi là khoảng 41.000m².

Ủy ban nhân dân huyện C đã thực hiện việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ gia đình bà T căn cứ theo Quyết định số 793/QĐ-UB ngày 05/9/2003 trước khi ban hành Quyết định số 563/QĐ-UB ngày 14/10/2004 của Ủy ban nhân dân huyện C về phê duyệt kinh phí bồi thường. Cho đến nay Ủy ban nhân dân huyện C vẫn không ban hành quyết định thu hồi đất đối với phần đất 41.000m² nêu trên và thực hiện phương án bồi thường đối với phần đất này cho hộ gia đình bà T.

Không đồng ý với nội dung Quyết định 563/QĐ-UB ngày 14/10/2004 của Ủy ban nhân dân huyện C về phê duyệt kinh phí bồi thường, bà T đã khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C. Ngày 27/7/2006,

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 554/QĐ-UBND về giải quyết khiếu nại của bà T nêu trên.

Không đồng ý với nội dung Quyết định số 554/QĐ-UBND ngày 27/7/2006 của Ủy ban nhân dân huyện C, bà T đã khiếu nại lên Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 09/11/2006, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 5091/QĐ-UBND công nhận Quyết định số 554/QĐ-UBND ngày 27/7/2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C là đúng chính sách, không công nhận khiếu nại yêu cầu bồi thường thiệt hại về đất đối với hộ gia đình bà T.

Căn cứ vào văn bản thành lập rừng phòng hộ của Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng vào năm 1991 thì rừng phòng hộ được thành lập sau khi gia đình bà T đã khai hoang sử dụng phần đất này vào năm 1977. Nếu Ủy ban nhân dân Thành phố muốn đưa phần diện tích đầm đập của hộ gia đình bà T vào diện tích rừng phòng hộ để nhà nước quản lý, thì nhà nước phải thực hiện việc thu hồi đất và bồi thường thiệt hại về đất cho hộ gia đình bà T đúng theo quy định Luật đất đai:

- Đất chiếm dụng không được bồi thường.
- Sử dụng trước ngày 15/10/1993 hỗ trợ 80%.
- Sử dụng từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 22/4/2002 (hỗ trợ đơn giá bồi thường).
- Sử dụng từ ngày 22/4/2002 trở về sau (không hỗ trợ).

Tại thời điểm Luật đất đai 1993 có hiệu lực thì luật không quy định về đất rừng phòng hộ. Do vậy, việc Ủy ban nhân dân huyện C xác định phần đất gia đình bà T đã khai hoang sử dụng từ 1977 là đất rừng phòng hộ là hoàn toàn không có căn cứ.

Từ những vấn đề trên bà Phạm Thị T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C:

Tuyên hủy toàn bộ nội dung và Quyết định số 563/QĐ-UB ngày 14/10/2004 của Ủy ban nhân dân huyện C về phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ thiệt hại dự án đầu tư mở rộng và nâng cấp mở rộng đường Rừng Sác đối với hộ gia đình bà T.

Tuyên hủy bỏ toàn bộ nội dung Quyết định số 554/QĐ-UBND ngày 27/7/2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C.

Tuyên bố hành vi cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C căn cứ theo Quyết định số 793/QĐ-UB ngày 05/9/2003 của Ủy ban nhân dân huyện C trước khi ban hành Quyết định số 563/QĐ-UB ngày 14/10/2004 của Ủy ban nhân dân huyện C về phê duyệt kinh phí bồi thường, trước khi Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt phương án bồi thường và Quyết định 2808/QĐ-UB ngày 17/6/2004; Quyết định 2959/QĐ-UB ngày 24/6/2004 về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư là hành vi trái pháp luật.

Tuyên buộc Ủy ban nhân dân huyện C phải thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất theo trình tự, thủ tục quy định của pháp luật về đất đai hiện hành, tuyên buộc Ủy ban nhân dân huyện C phải xem xét bồi thường thiệt hại về đất cho gia đình bà T theo quy định của pháp luật.

Giải quyết bồi thường thiệt hại do hành vi hành chính trái pháp luật nêu trên của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C gây ra cho bà T trong cùng vụ án này.

Xác định cơ quan phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho gia đình bà T theo quy định pháp luật, tuyên buộc cơ quan này phải bồi thường thiệt hại cho gia đình bà do hành vi hành chính trái pháp luật của người thi hành công vụ gây ra. Tổng số tiền bồi thường thiệt hại là: 2.800.000.000 đồng (hai tỷ tám trăm triệu đồng).

Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện C có ông Lê Minh D là người đại diện theo pháp luật trình bày:

Căn cứ biên bản điều tra kiểm kê đất đai, tài sản bị ảnh hưởng ngày 18/6/2003; Ủy ban nhân dân huyện C xác định khu vực sản xuất của bà Phạm Thị T bị ảnh hưởng có phần diện tích đất mặt nước tự khai thác nuôi trồng thủy sản dọc tuyến đường Rừng Sác bao gồm phần đất rừng (do bao xen lẫn đầm sản xuất, trong đó diện tích mặt nước có nuôi trồng là 4.062,6m²; 04 chòi chứa muối diện tích 168,6m²; nhà ở để sản xuất diện tích 48,4m²; đất ruộng muối diện tích 902m². Đến năm 1998, hộ bà T được cấp phép sản xuất thủy sản (nghề đập) được gia hạn đến năm 1999. Phần đất bị ảnh hưởng trên thuộc tiểu khu 21 do Ban Quản lý rừng phòng hộ quản lý, là đất rừng phòng hộ. Do đó, toàn bộ diện tích sử dụng trong phạm vi dự án thuộc đất rừng phòng hộ, là đất công nên không bồi thường thiệt hại về đất. Nhà nước chỉ bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về chi phí đầu tư trên đất cho các tổ chức và cá nhân thuê đất để nuôi trồng thủy sản. Việc Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 563/QĐ-UB ngày 14/10/2004 là đúng theo quy định. Việc bà Phạm Thị T yêu cầu bồi thường thiệt hại về đất đối với phần đất đã thu hồi và các yêu cầu khác là không có cơ sở xem xét và giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Văn T1, bà Trịnh Thị Ngọc A và bà Trịnh Ngọc P trình bày:

Thông nhất với ý kiến của bà Phạm Thị T và không có yêu cầu gì thêm.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2016/HC-ST ngày 05/5/2016 của Tòa án nhân dân huyện C quyết định:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T về việc:

- Yêu cầu Tòa tuyên hủy toàn bộ nội dung Quyết định số 563/QĐ-UB ngày 14/10/2004 của Ủy ban nhân dân huyện C về phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ thiệt hại dự án đầu tư mở rộng và nâng cấp đường Rừng Sác đối với hộ gia đình bà T.

- Yêu cầu Tòa tuyên hủy bỏ toàn bộ nội dung Quyết định số 554/QĐ-UBND ngày 27/7/2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C.

- Yêu cầu Tòa tuyên bố xác định hành vi cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C căn cứ theo Quyết định số 793/QĐ-UB ngày 05/9/2003 của Ủy ban nhân dân huyện C trước khi ban hành Quyết định số 563/QĐ-UB ngày 14/10/2004 của Ủy ban nhân dân huyện C về phê duyệt kinh phí bồi thường trước khi Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt phương án bồi thường và Quyết định 2808/QĐ-UB ngày 17/6/2004; Quyết định 2959/QĐ-UB ngày 24/6/2004 về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư là hành vi trái pháp luật.

- Yêu cầu Tòa tuyên buộc Ủy ban nhân dân huyện C phải thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất theo trình tự thủ tục quy định của pháp luật về đất đai hiện hành, tuyên buộc Ủy ban nhân dân huyện C phải xem xét bồi thường thiệt hại về đất cho gia đình bà T theo quy định của pháp luật.

- Yêu cầu Tòa giải quyết bồi thường thiệt hại do hành vi hành chính trái pháp luật nêu trên của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C gây ra cho bà T trong cùng vụ án này.

- Yêu cầu Tòa xác định cơ quan phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho gia đình bà theo quy định pháp luật, tuyên buộc cơ quan này phải bồi thường thiệt hại cho gia đình bà do hành vi hành chính trái pháp luật của người thi hành công vụ gây ra. Tổng số tiền bồi thường thiệt hại là: 2.800.000.000 đồng (hai tỷ tám trăm triệu đồng).

Giữ nguyên Quyết định số 563/QĐ-UB ngày 14/10/2004 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà Phạm Thị T.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 17/5/2016, bà Phạm Thị T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà.

Ngày 25/11/2016, bà Phạm Thị T có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết bồi thường thiệt hại do hành vi hành chính trái pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C gây ra cho bà T trong cùng vụ án này, không yêu cầu Tòa án xác định cơ quan phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho gia đình bà theo quy định pháp luật và tuyên buộc cơ quan này phải bồi thường thiệt hại cho gia đình bà do hành vi hành chính trái pháp luật của người thi hành công vụ gây ra với tổng số tiền bồi thường thiệt hại là: 2.800.000.000 đồng (hai tỷ tám trăm triệu đồng).

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người đại diện theo ủy quyền người khởi kiện trình bày vẫn giữ yêu cầu kháng cáo bao gồm:

- Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tuyên hủy toàn bộ nội dung Quyết định số 563/QĐ-UB ngày 14/10/2004 của Ủy ban nhân dân huyện C về phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ thiệt hại dự án đầu tư mở rộng và nâng cấp đường Rừng Sác đối với hộ gia đình bà T

- Hủy bỏ toàn bộ nội dung Quyết định số 554/QĐ-UBND ngày 27/7/2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C.

- Yêu cầu Tòa tuyên bố xác định hành vi cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C căn cứ theo Quyết định số 793/QĐ-UB ngày 05/9/2003 của Ủy ban nhân dân huyện C trước khi ban hành Quyết định số 563/QĐ-UB ngày 14/10/2004 của Ủy ban nhân dân huyện C về phê duyệt kinh phí bồi thường, trước khi Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt phương án bồi thường và Quyết định 2808/QĐ-UB ngày 17/6/2004; Quyết định 2959/QĐ-UB ngày 24/6/2004 về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư là hành vi trái pháp luật.

- Yêu cầu Tòa tuyên buộc Ủy ban nhân dân huyện C phải thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất theo trình tự thủ tục quy định của pháp luật về đất đai hiện hành, tuyên buộc Ủy ban nhân dân huyện C phải xem xét bồi thường thiệt hại về đất cho gia đình bà T theo quy định của pháp luật.

Không yêu cầu Tòa án giải quyết bồi thường thiệt hại do hành vi hành chính trái pháp luật nêu trên của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C gây ra cho bà T trong cùng vụ án này, không yêu cầu Tòa xác định cơ quan phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho gia đình bà theo quy định pháp luật, tuyên buộc cơ quan này phải bồi thường thiệt hại cho gia đình bà do hành vi hành chính trái pháp luật của người thi hành công vụ gây ra. Tổng số tiền bồi thường thiệt hại là: 2.800.000.000 đồng (hai tỷ tám trăm triệu đồng).

Ngoài ra người đại diện theo ủy quyền người khởi kiện trình bày: Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2016/HC-ST ngày 05/5/2016 của Tòa án nhân dân huyện C căn cứ vào các quyết định: Quyết định số 2808/QĐ-UB ngày 17/6/2004 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về giao đất cho Ban Quản lý dự án khu vực và đầu tư xây dựng huyện C để đầu tư cải tạo, mở rộng và nâng cấp đường Rừng Sác, huyện C; Quyết định số 5702/QĐ-UBND ngày 17/11/2004 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư cải tạo, mở rộng và nâng cấp đường Rừng Sác, huyện C; Quyết định số 6219/QĐ-UB ngày 10/12/2004 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt dự án bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư dự án đầu tư cải tạo, mở rộng và nâng cấp đường Rừng Sác, huyện C. Tuy nhiên trong hồ sơ vụ án lại không có các quyết định trên là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, đề nghị Viện kiểm sát phải kiểm sát, giải quyết việc vi phạm này.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày ý kiến:

Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T là không đúng quy định của pháp luật. Phần đất

của bà T bị thu hồi trong dự án Cải tạo, mở rộng và nâng cấp đường Rừng Sác, huyện C có diện tích 41.000 m². Phần đất này bà T khai phá và sử dụng từ năm 1977. Ngày 29/5/1991, Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng ban hành Quyết định 173/CT về phê duyệt dự án tiền khả thi “Rừng phòng hộ môi trường Thành phố Hồ Chí Minh”. Bà T được cấp phép khai thác nuôi trồng thủy sản, làm muối. Theo quy định tại Điều 8 Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, Điều 5 Luật đất đai 1993 và theo Mục 1 phần X Quyết định 2959/QĐ-UB ngày 24/6/2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư ở dự án Cải tạo, mở rộng và nâng cấp đường Rừng Sác, huyện C thì phần đất 41.000 m² đất của bà T phải được bồi thường do bà T khai phá từ năm 1977, không phải đất lấn chiếm, được chính quyền địa phương xác nhận, đất sử dụng ổn định không tranh chấp, có đóng thuế. Bản án sơ thẩm xác định diện tích đất 41.000 m² của bà T là đất rừng phòng hộ, đất công nên không bồi thường là chưa đúng quy định pháp luật. Vì vậy đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xử hủy bản án sơ thẩm số 12/2016/HC-ST ngày 05/5/2016 của Tòa án nhân dân huyện C.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày ý kiến: Theo sổ mục kê tài liệu 299/TTg thì phần đất diện tích 40.700 m² của bà T bị thu hồi trong dự án Cải tạo, mở rộng và nâng cấp đường Rừng Sác, huyện C là đất do Nhà nước quản lý. Theo Quyết định số 19/QĐ-UB ngày 19/01/1988 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thì phần đất trên được giao cho Công ty Lâm Viên thuộc Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải. Ngày 29/01/2010, phần đất trên được thu hồi và giao lại cho Ban Quản lý rừng phòng hộ C theo Quyết định số 524/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Thực tế, bà T tận dụng ngọn đập và thủy triều để sản xuất hành nghề đập. Năm 1989, bà T có làm đơn xin đăng ký xin phép hành nghề, trong đơn chính quyền địa phương có xác nhận bà T có hành nghề đập là đúng, không xác nhận việc sản xuất từ năm 1977 và không có tài liệu nào xác định việc bà T sản xuất từ năm 1977. Bà T có đóng thuế nhưng là thuế môn bài, đánh thuế trên việc sản xuất, kinh doanh, chứ không phải đóng thuế đất. Căn cứ phương án số 414/PABT ngày 11/6/2004 của Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án Cải tạo, mở rộng, nâng cấp đường Rừng Sác, huyện C được phê duyệt bởi Quyết định 2959/QĐ-UB ngày 24/6/2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, thì phần đất 40.700 m² thuộc đất rừng phòng hộ nên không bồi thường, mà chỉ hỗ trợ thiệt hại về chi phí đầu tư trên đất là đúng quy định, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Trịnh Văn T1, bà Trịnh Thị Ngọc A, bà Trịnh Ngọc P có đơn xin xét xử vắng mặt và trình bày ý kiến thống nhất theo yêu cầu của bà Phạm Thị T

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

+ Về hình thức: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định pháp luật tố tụng hành chính từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa phúc

thẩm cho đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Tổ tụng hành chính; các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị T: Ngày 29/12/1983, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 441/QĐ-UB về giao đất giao rừng cho các đơn vị quốc doanh, tập thể, hộ nhân dân trồng cây gây rừng và chăm sóc bảo vệ rừng. Diện tích đất 41.000 m² của hộ bà T bị thu hồi thuộc diện tích đất rừng. Ngày 19/12/1987, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 293/QĐ-UB về giao đất rừng cho lâm trường Duyên Hải thuộc Sở Lâm nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Quyết định số 2242/QĐ-UB ngày 28/5/2002 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về duyệt dự án đầu tư cải tạo, mở rộng và nâng cấp đường Rừng Sác huyện C, Quyết định số 2808/QĐ-UB ngày 17/6/2004 về giao đất cho Ban Quản lý dự án khu vực đầu tư và xây dựng huyện C để đầu tư cải tạo, mở rộng và nâng cấp đường Rừng Sác - C thuộc xã L, An Thới Đông và Bình Khánh huyện C, Quyết định 2959/QĐ-UB ngày 24/6/2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư ở dự án Cải tạo, mở rộng và nâng cấp đường Rừng Sác, huyện C, căn cứ phương án số 414/PABT ngày 11/6/2004 của Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án Cải tạo, mở rộng, nâng cấp đường Rừng Sác huyện C, căn cứ Điều 3, Điều 4 Luật đất đai 1993 thì việc không bồi thường 41.000 m² đất cho bà T là đúng, án sơ thẩm xử bác đơn khởi kiện của bà Phạm Thị T có cơ sở. Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính đề nghị Tòa án bác kháng cáo của bà Phạm Thị T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các bên trình bày ý kiến, tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của bà Phạm Thị T làm trong thời hạn luật định nên chấp nhận.

Về tố tụng: Ông Lê Minh D là người đại diện theo pháp luật của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Văn T1, bà Trịnh Thị Ngọc A và bà Trịnh Ngọc P có đơn xin xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 158, khoản 4 Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2016/HC-ST ngày 05/5/2016 của Tòa án nhân dân huyện C căn cứ vào các quyết định: Quyết định số 2808/QĐ-UB ngày 17/6/2004 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về giao đất cho Ban Quản lý dự án khu vực và đầu tư xây dựng huyện C để đầu tư cải tạo, mở rộng và nâng cấp đường Rừng Sác, huyện C; Quyết định số 5702/QĐ-UBND ngày 17/11/2004 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí

Minh về phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư cải tạo, mở rộng và nâng cấp đường Rừng Sác, huyện C; Quyết định số 6219/QĐ-UB ngày 10/12/2004 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt dự án bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư dự án đầu tư cải tạo, mở rộng và nâng cấp đường Rừng Sác, huyện C. Tuy nhiên trong hồ sơ vụ án lại không có các quyết định trên là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Xét việc thiếu các quyết định trong hồ sơ của Tòa án cấp sơ thẩm là vi phạm thủ tục tố tụng, nhưng các quyết định trên đã được bổ sung tại cấp phúc thẩm, nội dung các quyết định trên không làm thay đổi nội dung vụ án, không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, nên không cần thiết phải hủy án sơ thẩm.

Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị T, Hội đồng xét xử xét thấy khu đất hộ bà Phạm Thị T bị ảnh hưởng bởi dự án Cải tạo, mở rộng và nâng cấp đường Rừng Sác, huyện C có diện tích 40.700m². Trong đó diện tích mặt nước có nuôi trồng: 4.062,6m²; diện tích ruộng muối: 902m²; diện tích nền xây chòi: 168,6m²; diện tích nhà ở để sản xuất 48,4m². Phần diện tích 40.700m² bị thu hồi theo Quyết định 2808/QĐ-UB ngày 17/6/2004 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà T cho rằng phần diện tích đất trên do bà tự khai phá từ năm 1977, năm 1989 có đăng ký xin phép sản xuất hành nghề đập, bao đê nuôi tôm. Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ thì phần diện tích 40.700 m² là một phần đất rừng xen lẫn đầm sản xuất. Theo bản đồ tỉ lệ 1/4000, phần diện tích này thuộc đất rừng tự nhiên. Theo sổ mục kê đăng ký chỉ thị 299/TTg thì phần đất trên là đất rừng tự nhiên do Ủy ban nhân dân huyện C đăng ký quản lý, năm 1988 được giao cho Công ty Lâm Viên thuộc Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải theo Quyết định số 19/QĐ-UB ngày 19/01/1988 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 29/5/1991, Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng phê duyệt dự án tiền khả thi “Rừng phòng hộ môi trường Thành phố Hồ Chí Minh” theo Quyết định 173/CT trong đó Rừng phòng hộ huyện Duyên Hải nay là huyện C có diện tích 34.000 ha. Phần đất được giao cho Công ty Lâm Viên theo Quyết định số 19/QĐ-UB ngày 19/01/1988 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được thu hồi và giao lại cho Ban Quản lý rừng phòng hộ C theo Quyết định số 524/QĐ-UBND ngày 29/01/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Theo Công văn số 171/BQL ngày 08/9/2016 của Ban Quản lý Rừng phòng hộ C thì tại thời điểm năm 2004 hộ bà Phạm Thị T sản xuất tại khoảnh 4 tiểu khu 21 Rừng phòng hộ C. Theo Điều 2 Luật Bảo vệ và phát triển rừng ngày 12/8/1991 thì Nhà nước thống nhất quản lý rừng và đất trồng rừng. Tại khoản 3 Điều 40 Luật Bảo vệ và phát triển rừng ngày 12/8/1991, điểm e khoản 1 Điều 15 Nghị định 02/NĐ-CP ngày 15/01/1994 của Chính phủ ban hành bản quy định về việc giao đất lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp, có quy định người sử dụng đất lâm nghiệp được đền bù, bồi hoàn thành quả lao động, kết quả đầu tư trên đất lâm nghiệp được giao theo thời giá thị trường và hiện trạng của rừng, đất trồng rừng trong trường hợp bị thu hồi theo quy định của pháp luật. Tại mục 1 phần VII phương án số 414/PABT ngày 11/6/2004 của Hội đồng bồi thường thiệt hại giải phóng mặt bằng dự án Cải tạo,

mở rộng và nâng cấp đường Rừng Sác, huyện C đã được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt tại quyết định số 2959/QĐ-UB ngày 24/6/2004, quy định đối với bồi thường, hỗ trợ đối với đất trong phạm vi dự án thuộc đất rừng phòng hộ là đất công nên không bồi thường thiệt hại về đất, nhà nước chỉ bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về chi phí đầu tư trên đất cho các tổ chức và cá nhân thuê đất để nuôi trồng thủy sản. Xét hộ bà Phạm Thị T tự đắp bờ bao trên phần đất mặt nước nằm xen kẽ trong rừng phòng hộ, thuộc đất rừng phòng hộ để hành nghề đập, làm ruộng muối, nên căn cứ vào các quy định trên Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 563/QĐ-UB ngày 14/10/2004 phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ với số tiền 94.479.000 đồng là đúng quy định của pháp luật vì vậy không có căn cứ hủy Quyết định số 563/QĐ-UB ngày 14/10/2004 của Ủy ban nhân dân huyện C.

Đối với yêu cầu hủy Quyết định 554/QĐ-UBND ngày 27/7/2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C về giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị T đối với Quyết định số 563/QĐ-UB ngày 14/10/2004 của Ủy ban nhân dân huyện C. Xét Quyết định số 563/QĐ-UB ngày 14/10/2004 của Ủy ban nhân dân huyện C được ban hành đúng quy định của pháp luật nên nội dung Quyết định 554/QĐ-UBND ngày 27/7/2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, không công nhận đơn khiếu nại của bà Phạm Thị T là đúng pháp luật, vì vậy không có căn cứ hủy Quyết định 554/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C.

Đối với yêu cầu Tòa án tuyên buộc Ủy ban nhân dân huyện C phải thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất theo trình tự thủ tục quy định của pháp luật về đất đai hiện hành, tuyên buộc Ủy ban nhân dân huyện C phải xem xét bồi thường thiệt hại về đất cho gia đình bà T theo quy định của pháp luật. Xét căn cứ theo quy định của Luật đất đai năm 1993; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đất đai ngày 02/12/1998 và ngày 29/6/2001; Nghị định 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ về việc đền bù thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng thì việc thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ thiệt hại cho hộ bà Phạm Thị T đã được thực hiện đúng quy định của pháp luật nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu trên.

Đối với yêu cầu tuyên bố hành vi cưỡng chế theo Quyết định 793/QĐ-UB ngày 05/9/2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C là trái pháp luật; yêu cầu Tòa giải quyết bồi thường thiệt hại do hành vi hành chính trái pháp luật nêu trên của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C gây ra và yêu cầu Tòa xác định cơ quan phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho gia đình bà T theo quy định pháp luật, tuyên buộc cơ quan này phải bồi thường thiệt hại cho gia đình bà T do hành vi hành chính trái pháp luật của người thi hành công vụ gây ra, tổng số tiền bồi thường thiệt hại 2.800.000.000 đồng. Qua xem xét các tài liệu có trong hồ sơ xét thấy khi bà T khởi kiện yêu cầu tuyên bố hành vi cưỡng chế theo Quyết định 793/QĐ-UB ngày 05/9/2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C là trái pháp luật, bà T có nộp một số hình ảnh mà bà cho rằng chụp hiện trường cưỡng chế nhưng các hình ảnh này không thể hiện vị trí của khu đất bị cưỡng chế, Ủy ban nhân dân huyện C xác định không có hành vi cưỡng chế. Xét bà T khởi kiện yêu

cầu tuyên bố hành vi cưỡng chế theo Quyết định 793/QĐ-UB ngày 05/9/2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C là trái pháp luật và yêu cầu bồi thường thiệt hại do hành vi cưỡng chế gây ra nhưng không chứng minh được là có hành vi cưỡng chế nên khi bà T khởi kiện với yêu cầu trên là chưa đủ điều kiện khởi kiện nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý, giải quyết bác yêu cầu là chưa đúng quy định của pháp luật. Xét do chưa đủ điều kiện khởi kiện nên phải đình chỉ các yêu cầu khởi kiện trên theo điểm h khoản 1 Điều 143 Luật Tố tụng hành chính. Vì vậy cần phải sửa một phần bản án sơ thẩm.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị T là không có cơ sở để chấp nhận.

Về án phí hành chính sơ thẩm: giữ nguyên án phí hành chính sơ thẩm.

Về án phí hành chính phúc thẩm: do sửa bản án sơ thẩm nên bà T không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 2 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính;

Khoản 2 Điều 37 pháp lệnh án phí, lệ phí tòa án,

Xử: Sửa một phần Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2016/HC-ST ngày 05 tháng 5 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện C:

- Bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T về việc yêu cầu hủy Quyết định số 563/QĐ-UB ngày 14/10/2004 của Ủy ban nhân dân huyện C về phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ thiệt hại của hộ bà Phạm Thị T ở dự án đầu tư mở rộng và nâng cấp đường Rừng Sác đoạn Hà Thanh - An Nghĩa và Quyết định số 554/QĐ-UBND ngày 27/7/2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C về giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị T ngụ tại ấp Long Thạnh, xã L, huyện C.

- Bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T về việc yêu cầu Tòa án tuyên buộc Ủy ban nhân dân huyện C phải thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất theo trình tự thủ tục quy định của pháp luật về đất đai hiện hành và buộc Ủy ban nhân dân huyện C phải xem xét bồi thường thiệt hại về đất cho gia đình bà T theo quy định của pháp luật.

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T về việc yêu cầu Tòa án tuyên bố hành vi cưỡng chế theo Quyết định 793/QĐ-UB ngày 05/9/2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C là trái pháp luật; yêu cầu Tòa án giải quyết bồi thường thiệt hại do hành vi hành chính trái pháp luật nêu trên của Chủ tịch

Ủy ban nhân dân huyện C gây ra và yêu cầu Tòa án xác định cơ quan phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho gia đình bà T theo quy định pháp luật, tuyên buộc cơ quan này phải bồi thường thiệt hại cho gia đình bà T do hành vi hành chính trái pháp luật của người thi hành công vụ gây ra, tổng số tiền bồi thường thiệt hại là: 2.800.000.000 đồng.

2. Về án phí:

- Án phí hành chính sơ thẩm: Bà Phạm Thị T phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 200.000 đ (Hai trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 đ (Hai trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AC/2010/04473 ngày 14/5/2015 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C. Bà Phạm Thị T đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm.

- Án phí hành chính phúc thẩm:

Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Phạm Thị T không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Hoàn trả 200.000 đ (Hai trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm cho bà Phạm Thị T theo biên lai thu tiền số AC/2010/04982 ngày 19/5/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS huyện C;
- Tòa án nhân dân huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thụy Vi